

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 292, 295, 296, 299 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 144, 145 Luật nhà ở;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2022/TLST- KDTM, ngày 05 tháng 5 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N. Địa chỉ: Số 198, Trần Quang Khải, phường L, quận H, thành phố A.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Lâm C - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh B.

Người được uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Trường H - Chức vụ: Phó trưởng ban xử lý nợ Ngân hàng N, chi nhánh B.

- **Bị đơn:** Công ty D. Địa chỉ: Số 10, ngõ 01, đường Văn Cao, khối 11, phường Q, thành phố V, tỉnh G. Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Trọng T - Chức vụ: Giám đốc công ty.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Cao Thị H, sinh năm 1958

+ Chị Đinh Thị Thu H, sinh năm 1979

+ Anh Đinh Văn H1, sinh năm 1981

+ Anh Đinh Văn H2, sinh năm 1990

Đều ở cùng địa chỉ tại: Số nhà 10, đường Nguyễn Vĩnh Lộc, khối 1, phường U, thành phố V, tỉnh G.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công ty D có quan hệ tín dụng với Ngân hàng N - Chi nhánh B từ năm 2013 và đến nay có dư nợ theo 02 hợp đồng tín dụng đã quá hạn nhưng chưa thanh toán hết, cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số HM 034/2016/7123/TM ngày 23/05/2016 với số tiền cho vay theo Hợp đồng là: 10.000.000.000 đồng; thời hạn cho vay đối với từng lần nhận nợ: 04 tháng; mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh hàng điện tử, điện lạnh, đồ gia dụng; lãi suất cho vay trong hạn áp dụng theo Thông tư số 08/2014/TT-NHNN ngày 17/03/2014, cố định trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm nhận nợ là 7%/năm, lãi suất cho vay trong hạn hiện tại là 7%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Công ty D đã nhận nợ theo hợp đồng này 13 lần và dư nợ vay của hợp đồng đến tại thời điểm hiện tại như sau:

+ Lần nhận nợ 01 vào ngày 23/05/2016 với số tiền là 500.000.000 đồng  
(Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng).

+ Lần nhận nợ 02 vào ngày 26/05/2016 với số tiền là 559.950.166 đồng  
(Bằng chữ: Năm trăm năm mươi chín triệu, chín trăm năm mươi nghìn, một trăm sáu mươi sáu đồng).

+ Lần nhận nợ 03 vào ngày 31/05/2016 với số tiền là 936.574.765 đồng  
(Bằng chữ: Chín trăm ba mươi sáu triệu, năm trăm bảy mươi tư nghìn, bảy trăm sáu mươi lăm đồng).

+ Lần nhận nợ 04 vào ngày 02/06/2016 với số tiền là 495.184.988 đồng  
(Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi lăm triệu, một trăm tám mươi tư nghìn, chín trăm tám mươi tám đồng).

+ Lần nhận nợ 05 vào ngày 03/06/2016 với số tiền là 550.000.000 đồng  
(Bằng chữ: Năm trăm năm mươi triệu đồng).

+ Lần nhận nợ 06 vào ngày 03/06/2016 với số tiền là 500.000.000 đồng  
(Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng).

+ Lần nhận nợ 07 vào ngày 03/06/2016 với số tiền là 93.250.000 đồng  
(Bằng chữ: Chín mươi ba triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Lần nhận nợ 08 vào ngày 06/06/2016 với số tiền là 1.200.000.000 đồng  
(Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm triệu đồng).

+ Lần nhận nợ 09 vào ngày 06/06/2016 với số tiền là 1.360.000.000 đồng  
(Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm sáu mươi triệu đồng).

+ Lần nhận nợ 10 vào ngày 07/06/2016 với số tiền là 1.099.209.987 đồng  
(Bằng chữ: Một tỷ, không trăm chín mươi chín triệu, hai trăm linh chín nghìn, chín trăm tám mươi bảy đồng).

+ Lần nhận nợ 11 vào ngày 09/06/2016 với số tiền là 650.000.000 đồng  
(Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

+ Lần nhận nợ 12 vào ngày 09/06/2016 với số tiền là 455.894.978 đồng  
(Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi tư nghìn, chín trăm bảy mươi tám đồng).

+ Lần nhận nợ 13 vào ngày 10/06/2016 với số tiền là 650.000.000 đồng  
(Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Tính đến ngày 04/8/2022, dư nợ theo hợp đồng này của Công ty D là:

+ Dư nợ gốc: 8.937.064.884 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 3.820.182.916 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 1.850.247.438 đồng.

Tổng dư nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số HM 034/2016/7123/TM ngày 23/05/2016 là: **14.607.495.238 đồng** (Bằng chữ: Mười bốn tỷ, sáu trăm linh bảy triệu, bốn trăm chín mươi lăm nghìn, hai trăm ba mươi tám đồng).

Hợp đồng cho vay theo hạn mức số HM 034/2016/7777/TM ngày 10/06/2016 với số tiền cho vay theo Hợp đồng là: 10.000.000.000 VND (Bằng chữ: Mười tỷ đồng); thời hạn cho vay đối với từng lần nhận nợ: 05 tháng; mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh hàng điện tử, điện lạnh, đồ gia dụng; lãi suất cho vay trong hạn áp dụng theo Thông tư số 08/2014/TT-NHNN ngày 17/03/2014, cố định trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm nhận nợ là 7%/năm, lãi suất cho vay trong hạn hiện tại là 7%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Công ty D đã nhận nợ theo hợp đồng này 13 lần và dư nợ vay của hợp đồng đến tại thời điểm hiện tại như sau:

+ Lần nhận nợ 01 vào ngày 10/06/2016 với số tiền là 1.250.000.000 đồng  
(Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng).

+ Lần nhận nợ 02 vào ngày 10/06/2016 với số tiền là 1.178.479.985 đồng  
(Bằng chữ: Một tỷ, một trăm bảy mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn, chín trăm tám mươi lăm đồng).

+ Lần nhận nợ 03 vào ngày 15/06/2016 với số tiền là 722.110.002 đồng  
(Bằng chữ: Bảy trăm hai mươi hai triệu, một trăm mười nghìn, không trăm linh hai đồng).

+ Lần nhận nợ 04 vào ngày 17/06/2016 với số tiền là 749.813.982 đồng  
(Bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi chín triệu, tám trăm mười ba nghìn, chín trăm tám mươi hai đồng).

+ Lần nhận nợ 05 vào ngày 20/06/2016 với số tiền là 830.000.000 đồng  
(Bằng chữ: Tám trăm ba mươi triệu đồng).

+ Lần nhận nợ 06 vào ngày 23/06/2016 với số tiền là 500.000.000 đồng  
(Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng).

+ Lần nhận nợ 07 vào ngày 27/06/2016 với số tiền là 650.000.000 đồng  
(Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

+ Lần nhận nợ 08 vào ngày 27/06/2016 với số tiền là 210.000.000 đồng  
(Bằng chữ: Hai trăm mười triệu đồng).

+ Lần nhận nợ 09 vào ngày 29/06/2016 với số tiền là 600.000.000 đồng  
(Bằng chữ: Sáu trăm triệu đồng).

+ Lần nhận nợ 10 vào ngày 04/07/2016 với số tiền là 200.000.000 đồng  
(Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng).

+ Lần nhận nợ 11 vào ngày 05/07/2016 với số tiền là 408.833.050 đồng  
(Bằng chữ: Bốn trăm linh tám triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, không trăm năm mươi đồng).

+ Lần nhận nợ 12 vào ngày 11/07/2016 với số tiền là 455.225.012 đồng  
(Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi lăm triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, không trăm mười hai đồng).

+ Lần nhận nợ 13 vào ngày 13/07/2016 với số tiền là 300.000.000 đồng  
(Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng).

Tính đến ngày 04/8/2022, dư nợ theo hợp đồng này của Công ty D là:

+ Dư nợ gốc: 8.054.462.031 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 3.445.519.867 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 1.630.118.363 đồng.

Tổng dư nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số HM 034/2016/7777/TM ngày 10/06/2016 là: **13.130.100.261 đồng** (Bằng chữ: Mười ba tỷ, một trăm ba mươi triệu, một trăm nghìn, hai trăm sáu mươi một đồng).

Tổng dư nợ hai hợp đồng bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 04/8/2022 là: **27.737.595.499 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi bảy tỷ, bảy trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn, bốn trăm chín mươi chín đồng).

Công ty D có nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng hạn mức số HM 034/2016/7123/TM ngày 23/05/2016 và số HM 034/2016/7777/TM ngày 10/06/2016 tính đến ngày 04/8/2022 là: 27.737.595.499 đồng (Bằng chữ: Hai mươi bảy tỷ, bảy trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn, bốn trăm chín mươi chín đồng). Trong đó nợ gốc: 16.991.526.915 đồng, nợ lãi trong hạn: 7.265.702.783 đồng, nợ lãi quá hạn: 3.480.365.801 đồng và tiếp tục chịu lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và các chi phí phát sinh theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cho vay theo hạn mức số HM 034/2016/7123/TM ngày 23/05/2016 và số HM 034/2016/7777/TM ngày 10/06/2016 mà đôi bên đã ký kết kể từ ngày 05/8/2022 cho đến khi Công ty D thanh toán hết nợ.

Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 52, tờ bản đồ số 02, địa chỉ: Khối 1, phường U, thành phố V, tỉnh G, diện tích 789,50m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 062535, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00814 QSDĐ/Số 65 QĐ/UB (TP) 2002 do UBND thành phố V cấp ngày 24/4/2002 và nhà 02 tầng cùng tài sản gắn liền với thửa đất để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử

dụng đất số 14/08/TC/CTH, ngày 21 tháng 7 năm 2014 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/2016, ngày 14 tháng 4 năm 2016 về việc sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 14/08/TC/CTH, ngày 21 tháng 7 năm 2014 giữa Ngân hàng N, chi nhánh B và bà Cao Thị H đã ký kết.

Về án phí: Công ty D và Ngân hàng N thỏa thuận:

- Công ty D nộp 33.934.398 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi ba triệu, chín trăm ba mươi tư nghìn, ba trăm chín mươi tám đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng N nộp 33.934.398 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi ba triệu, chín trăm ba mươi tư nghìn, ba trăm chín mươi tám đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng được khấu trừ trong số tiền 65.970.702 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm linh hai đồng*) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm mà Ngân hàng N đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0004297 ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Trả lại cho Ngân hàng N số tiền 32.036.304 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi hai triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm linh tư đồng*) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004297 ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Hồng Lĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS TX Hồng Lĩnh;
- Lưu HS, VP.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Đức Quang**